

Định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông

**NGUYỄN TRẦN TRỌNG
LÊ MINH NGỌC**

***B**ài viết phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông từ khi được thành lập (năm 2004) đến nay, những lợi thế, các hạn chế, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua; trên cơ sở đó, đề xuất định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng phát triển nhanh, bền vững và những giải pháp chủ yếu để thực hiện.*

1. Tổng quan về tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông

1.1. Lợi thế của tỉnh Đắk Nông trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Đắk Nông có những lợi thế và tiềm năng chủ yếu sau:

1.1.1. Vị trí địa lý thuận lợi

Đắk Nông nằm trên tuyến đường Hồ Chí Minh nối liền Bắc - Nam; nối liền các điểm thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: quốc lộ 28 Di Linh, Lâm Đồng nối liền với quốc lộ 1A, có hai cửa khẩu quốc gia (Đăk Per và Ba Prăng), theo trục quốc lộ 76 đến các tỉnh của Campuchia. Đắk Nông nằm trong trục tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam. Đây là điều kiện cho giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh với các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài.

1.1.2. Có tiềm năng về đất và rừng

Đắk Nông có quỹ đất nông nghiệp 573.176 ha bằng 87,96% tổng diện tích, trong đó, đất sản xuất nông nghiệp là 218.389 ha bằng 35,51%, đất lâm nghiệp có rừng là 323.970 ha bằng 54,45% của tổng diện tích trong quỹ đất nông nghiệp, đất đỏ ba zan chiếm một diện tích lớn, có độ phì nhiêu đặc biệt. Quỹ đất chưa sử dụng còn đến 37.650 ha, trong đó đất bằng là 846 ha, đất đồi núi là 36.142 ha. Với điều kiện khí hậu thuận lợi, cho phép Đắk Nông phát

triển một nền nông nghiệp hàng hóa với các cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, tiêu, điều và một số cây hàng năm như ngô, bông, mía,... Ngoài ra, tỉnh còn nhiều gỗ và sản phẩm ngoài gỗ để chế biến.

1.1.3. Đắk Nông có tiềm năng du lịch

Đắk Nông có nhiều thác nước, suối, hồ; có những khu rừng nguyên sinh tạo nên danh lam, thắng cảnh hấp dẫn, có nền văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa. Tất cả điều đó cho phép phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch văn hóa.

1.1.4. Có tiềm năng về khoáng sản, đặc biệt là bô xít và có tiềm năng phát triển thủy điện

Tỉnh Đắk Nông có khoáng sản bô xít với trữ lượng dự kiến 5,4 tỷ tấn, bằng 60,33% trữ lượng bô xít của cả nước. Ngoài bô xít, Đắk Nông còn có khoáng sản khác như: vàng, đá quý (ngọc bích, saphia trắng), wolfram, antimoal, bazan cô, bazan khối, cát xây dựng, đất sét làm gạch ngói, cao lanh, nước khoáng thiên nhiên,...

Ngoài khoáng sản, Đắk Nông còn có tiềm năng thủy điện. Hệ thống sông suối trên địa bàn phân bố rộng khắp và tạo nên tiềm năng thủy điện dồi dào, có thể xây dựng một số công trình nhà máy thủy điện lớn, vừa và nhỏ.

Nguyễn Trần Trọng, GS.TS., Trường đại học Kinh tế quốc dân; Lê Minh Ngọc, Th.S., Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.

1.2. Hạn chế của tỉnh Đắk Nông trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội

Trong việc phát triển kinh tế - xã hội, Đắk Nông có những hạn chế trước mắt sau đây:

1.2.1. Cơ sở hạ tầng sản xuất xã hội còn yếu kém

Nhìn chung cơ sở hạ tầng kinh tế chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Giao thông yếu kém, chỉ có đường bộ, không có đường sắt, đường hàng không. Chất lượng đường thấp, đường quốc lộ còn 85,5 km là đường cấp phối, bằng 28,87% tổng chiều dài. Đường huyện, xã, thôn, bản, buôn, liên xã, liên thôn chủ yếu là đường đất, về mùa mưa ở các vùng dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa của các huyện Đắk GLong, Đắk RLấp, KRLấp, KRông Nô, việc đi lại rất khó khăn. Nguồn điện còn thiếu. Việc cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, cấp thoát nước cho đô thị còn nhiều bất cập.

1.2.2. Trình độ học vấn, trình độ dân trí thấp, chất lượng nguồn nhân lực thấp

Nhìn chung, các chỉ tiêu về chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2009-2010 của tỉnh đạt 78,2%, trong khi toàn vùng Tây Nguyên là 83,96% và cả nước là 92,57%. Số lượng lao động kỹ thuật được đào tạo chuyên môn còn thấp, mới chiếm 17,05% tổng lao động xã hội, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo của vùng Tây Nguyên là 27%, của cả nước là 30%.

1.2.3. Tình hình di dân tự do, các vấn đề

dân tộc

Hiện tượng di cư tự do tạo nên các yếu tố không ổn định về chính trị và an ninh - xã hội còn nhiều tiềm ẩn, gây tác động xấu đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tình hình di dân tự do của các dân tộc thiểu số từ các tỉnh phía Bắc và Đắk Nông qua nhiều năm chưa chấm dứt đã phá hủy tài nguyên rừng ở mức độ đáng kể, tranh chấp đất đai, vùng sản bản với đồng bào dân tộc thiểu số bản địa, gây mâu thuẫn xã hội ngầm ngấm. Trật tự an ninh vẫn còn phức tạp.

1.2.4. Địa hình rừng núi chia cắt mạnh

Địa hình núi cao chia cắt mạnh, có độ dốc lớn cản trở sự phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Đồng thời với lượng nước nhiều sẽ gây xói mòn, rửa trôi, thoái hóa đất. Rừng bị tàn phá dữ dội gây tác hại, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên và không gian sinh sống và văn hóa của đồng bào dân tộc bản địa.

2. Thực trạng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Nông**2.1. Đánh giá chung về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế****2.1.1. Tăng trưởng kinh tế**

Trong giai đoạn 2006-2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Nông tăng cao. Theo giá năm 1994, GDP bình quân hàng năm tăng với tốc độ 15,1% vượt mức tăng bình quân của Tây Nguyên là 8,9%, của cả nước là 7,01%.

BẢNG 1: Tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Nông

	2005 (triệu đồng)	2010 (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006-2010 (%)	
			Đắk Nông	Tây Nguyên
Tổng GDP, trong đó:	2.583.676	8.639.037	15,1	8,9
I. Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp	1.539.432	4.667.122	6,04	5,7
II. Công nghiệp và xây dựng	461.648	2.163.586	30,3	14,3
III. Dịch vụ	582.596	1.808.329	22,19	10,8

Nguồn: Niên giám thống kê Đắk Nông, 2010.

Khu vực nông- lâm- thủy sản phát triển khá toàn diện. Trong giai đoạn 2006-2010, theo giá năm 1994, tốc độ tăng bình quân năm của giá trị sản xuất nông nghiệp là 6,04%, sản xuất lương thực tăng mạnh. Năm 2010, bình quân lương thực đạt 603,3 kg/người (trong đó, ngô là 485,4kg). Cây công nghiệp lâu năm phát triển nhanh, chiếm tỷ trọng 65,97% giá trị ngành trồng trọt, đóng góp 85,9% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Ngành chăn nuôi còn nhỏ bé, ngành lâm nghiệp phát triển chậm nặng về khai thác gỗ, nhẹ về trồng và nuôi rừng. Diện tích rừng tự nhiên giảm nghiêm trọng (4 năm mất 104.319 ha, chiếm 26,24% diện tích rừng).

Nhìn chung, nông-lâm-thủy sản tăng nhanh nhưng chưa bền vững, chủ yếu theo chiều rộng chưa đi vào chiều sâu. Diện tích cây trồng công nghiệp lâu năm tăng vượt mức quy hoạch là dựa vào phá rừng như cà phê, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Đó là điều đáng lo ngại.

Sản xuất công nghiệp, đặc biệt công nghiệp chế biến phát triển nhanh theo hướng khai thác thế mạnh của tỉnh về nguyên liệu sản xuất tại chỗ, đặc biệt là ngành nông-lâm-thủy sản. Giá trị sản xuất công nghiệp Đắk Nông tăng từ 455.775 triệu đồng trong năm 2005 lên 1.712.404 triệu đồng năm 2010, bằng 375,96% hoặc 3,75 lần. Bình quân giai đoạn 2006-2010, giá trị sản xuất công nghiệp tăng với tốc độ bình quân năm là 30,3%, trong khi tốc độ của Tây Nguyên là 14,5%.

Tuy vậy, ngành công nghiệp của tỉnh còn quá nhỏ bé, công nghiệp lạc hậu. Trong năm 2010, giá trị sản xuất công nghiệp chỉ chiếm 0,08%, giá trị sản xuất công nghiệp của cả

nước. Tỉnh Đắk Nông nằm trong nhóm các tỉnh nghèo, chiếm tỷ trọng nhỏ bé trong cơ cấu giá trị sản xuất theo giá thực tế năm 2009 như: Lai Châu: 0,02%, Bắc Cạn: 0,03%, Hà Giang: 0,03%, Điện Biên: 0,05%, Kontum: 0,06%, Cao Bằng: 0,06%, Đắk Nông: 0,08%. Bình quân Tây Nguyên là 0,78%.

Khu vực dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Giá trị các ngành khu vực dịch vụ trong giai đoạn 2006-2010 tăng bình quân hàng năm 22,19%. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng bình quân hàng năm 34,8%. Tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân tăng 20,5%. Ngành du lịch đã phát triển nhanh năm 2010 đạt 12.700 triệu đồng, gấp 4,2 lần so với năm 2005 nhưng còn thấp so với tiềm năng, thế mạnh du lịch của tỉnh, chất lượng và hiệu quả thấp. Tỷ trọng ngành du lịch trong khu vực dịch vụ năm 2010 đạt 0,7%.

2.1.2. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Nông có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại. Các ngành phi nông nghiệp (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ) đã phát triển nhanh. Ngành nông nghiệp mặc dù chất lượng có tăng lên, tốc độ tăng trưởng cao hơn vùng Tây Nguyên (5,7%) và cả nước (4,2%) nhưng tỷ trọng của ngành nông – lâm – thủy sản giảm xuống trong cơ cấu GDP từ 59,54% trong năm 2005 xuống 54,02% trong năm 2010, trong lúc đó, tương ứng với các năm trên, tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 17,88% lên 25,04%, tỷ trọng ngành dịch vụ lại giảm chút ít 22,6% xuống 20,9%. Tuy vậy, trình độ cơ cấu kinh tế rất thấp so với cơ cấu kinh tế Tây Nguyên và cả nước, thậm chí còn thấp hơn trình độ cơ cấu kinh tế của cả nước năm 1985.

BẢNG 2: Cơ cấu kinh tế tỉnh Đắk Nông (%)

	Đắk Nông		Tây Nguyên		Cả nước		
	2005	2010	2005	2010	1985	2005	2010
Tổng GDP	100	100	100	100	100	100	100
Nông-lâm-ngư nghiệp	59,57	54,02	52,8	51,2	40,17	20,97	20,58
Công nghiệp-xây dựng	17,86	25,04	17,3	24,7	27,35	41,02	41,1
Dịch vụ	22,55	20,93	29,9	24,1	32,46	38,18	38,32

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông, 2010 và Niên giám thống kê Việt Nam các năm 2000, 2005, 2010.

2.1.3. Thu nhập bình quân đầu người

Thu nhập bình quân đầu người tính theo USD, giá thực tế, tăng từ 400,7 USD trong năm 2005, lên 778,8 USD trong năm 2010 bằng 194,35%. Thu nhập bình quân

đầu người của tỉnh Đắk Nông trong năm 2010 chỉ bằng 98,3% so với thu nhập bình quân đầu người vùng Tây Nguyên và bằng 68.3% thu nhập bình quân đầu người của cả nước.

BẢNG 3: Thu nhập bình quân đầu người tỉnh Đắk Nông

Năm	Tổng GDP (triệu đồng, giá hiện hành)	Dân số (người)	Thu nhập bình quân đầu người (USD/người)
2005	2.583.676	408.720	400,8
2006	3.448.700	421.109	514,2
2007	4.268.246	441.457	663,2
2008	5.948.493	460.136	788,2
2009	6.688.338	491.009	683,6
2010	8.639.037	510.576	778,8

Nguồn: Niên giám thống kê Đắk Nông, 2010.

2.1.4. Đầu tư phát triển

Vốn đầu tư toàn xã hội tăng nhanh, từ 2.377.611 triệu đồng năm 2007 lên 3.749.200 triệu đồng năm 2010, tăng 157,68%. Tương ứng với các năm trên, vốn nhà nước tăng 174%, vốn ngoài quốc doanh tăng 149, 0%, vốn đầu tư nước ngoài giảm xuống 97,59%, vốn khác tăng 141,35%. Đáng lưu ý là nguồn vốn nội lực, trong thị vốn của doanh nghiệp ngoài quốc doanh chỉ tăng 111,64%, vốn của dân và tư nhân tăng 180,78%.

Trong cơ cấu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thì trong năm 2007, vốn nhà nước chiếm 38,83%, trong năm 2010 là 48,4%. Tương ứng với hai năm trên, vốn ngoài quốc doanh giảm từ 57,64% xuống 49,55%, trong đó, vốn của doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm từ 25,84% xuống còn 11,95%, vốn của dân và tư nhân tăng từ 31,8% đến 37,6%, vốn đầu tư nước ngoài giảm từ 2,36% xuống 1,38%, vốn khác giảm từ 1,17% xuống 0,6%... Như vậy, vốn nhà nước giữ vai trò lớn nhất và ngày càng tăng lên, tiếp đến vốn của dân và tư nhân chiếm vị trí thứ 2 và cũng ngày càng tăng nhanh lên, còn lại các loại vốn khác thì giữ vai trò không đáng kể

và suy giảm.

2.2. Một số vấn đề thuộc lĩnh vực xã hội**2.2.1. Dân số, lao động, việc làm**

Dân số tỉnh Đắk Nông tăng nhanh nhưng phân bố không đều (thị xã Gia Nghĩa 154 người/km², huyện Đắk GLong 28 người/km²), chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn chiếm 86 % dân số. Với tốc độ tăng dân cao (năm 2010 là 3,98%, trong khi cả nước chỉ là 1,05%) chủ yếu là tăng cơ học, nhất là bộ phận đồng bào miền núi phía Bắc chủ yếu hướng vào hoạt động nông nghiệp, đã phá hủy tài nguyên đất rừng, kéo theo nhiều bất ổn về môi trường, xã hội cũng như an ninh chính trị. Vì vậy, lao động trong độ tuổi tăng nhanh (giai đoạn 2006-2010 tăng 10,88% trong khi tăng dân số là 4,55%) và chiếm 63% dân số (trong khi Tây Nguyên là 55,1 % và cả nước là 56,4%). Nhưng chủ yếu tập trung ở khu vực nông – lâm nghiệp chiếm 81,37% và khu vực ngoài nhà nước chiếm 93,01%.

Xét về cơ cấu lao động, đến năm 2010, lao động trong khu vực nông - lâm - thủy sản chiếm 81,37%, lao động khu vực dịch vụ chiếm 15,38%, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 3,24%. Việc chuyển dịch lao

động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp tương đối chậm. Tốc độ chuyển dịch trung bình mỗi năm trong giai đoạn 2006-2010 chỉ đạt 0,5%.

2.2.2. Chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, phân hóa giàu nghèo

Thu nhập bình quân đầu người nhìn chung còn thấp và chênh lệch giữa thu nhập bình quân đầu người trong thành thị và nông thôn là 1,65 lần, nhưng có xu hướng doãng ra. Thực vậy, thu nhập bình quân đầu người trong thành thị cao hơn nông thôn trong năm 2006 là 1,45 lần, trong năm 2010 là 1,557 lần.

Mức chênh lệch giữa các tầng lớp dân cư rất lớn và ngày càng doãng ra. việc phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt. Trong năm 2010, mức thu nhập bình quân đầu người cho các nhóm như sau: nhóm 1 là 230.736 đồng, nhóm 2 là 451.877 đồng, nhóm 3 là 821.238 đồng, nhóm 4 là 1.231.200 đồng, nhóm 5 là 2.340.522 đồng. Mức chênh lệch giữa các nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thấp nhất trong địa bàn thành thị và nông thôn rất lớn và ngày càng lớn. Như vậy là sự phân hóa giàu nghèo đã diễn ra mạnh mẽ. Điều đó được chứng minh bằng số liệu sau đây:

BẢNG 4: Chênh lệch giữa các nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất

Đơn vị: lần

Năm Địa bàn	2004	2006	2008	2010
Thành thị	8,45	8,56	8,51	9,89
Nông thôn	8,29	8,37	8,61	9,46

Nguồn: Niên giám thống kê Đắk Nông 2010.

2.2.3. Đói nghèo

Trong 5 năm qua, tỷ lệ nghèo tăng giảm không ổn định, năm 2006 là 26,5%/năm, năm 2008 là 23,3%, năm 2010 là 28,3 %. Tương ứng với các năm trên, tỷ lệ hộ nghèo của Tây Nguyên là 24%, 21%, 22,2% và cả nước là 15,5%, 13,4%, 14,2%. Như vậy, tỷ lệ hộ nghèo của Đắk Nông còn chiếm tỷ lệ rất

cao 28,3%. Tỷ lệ hộ nghèo của dân tộc thiểu số bản địa là 65,1%, và tỷ lệ cận nghèo là 7%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm không bền vững, vẫn còn tình trạng xóa nghèo rồi lại tái nghèo.

2.2.4. Dân tộc

Mặc dù Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều chính sách phát triển các dân tộc thiểu số bản địa, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa còn nghèo nàn. Tỷ lệ đói nghèo còn lớn 65,1%. Xóa đói, xóa mù chữ lại tái nghèo, tái mù chữ diễn ra không dứt. Tình trạng di cư tự do của các dân tộc thiểu số từ các tỉnh miền núi phía Bắc, phá rừng làm nương rẫy, săn bắn động vật hoang dã bừa bãi kéo dài và chưa chấm dứt. Địa bàn sinh sống và không gian văn hóa của đồng bào thiểu số bản địa bị thu hẹp. Mâu thuẫn dân tộc âm thầm diễn ra. Các tiềm ẩn bất ổn chính trị và xã hội còn phức tạp. Vì vậy, cần quan tâm giải quyết tốt vấn đề dân tộc của tỉnh.

Tổng quát lại thực trạng kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông, bên cạnh thành tựu đạt được còn nhiều tồn tại: nền kinh tế phát triển nhanh nhưng chưa bền vững, chủ yếu theo chiều rộng dựa vào khai thác tài nguyên. Tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều bất cập: tỷ lệ đói nghèo cao, phân hóa giàu nghèo nhanh, mâu thuẫn ngầm ẩn giữa các cộng đồng dân tộc xuất hiện, tiềm ẩn bất ổn về an ninh, xã hội vẫn tồn tại. Tóm lại, Đắk Nông còn là một tỉnh nghèo kém phát triển.

3. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông

3.1. Các quan điểm chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông cần theo các quan điểm sau đây:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất hàng hóa ở các ngành, vùng đã có. Chuyển các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số lên sản xuất hàng hóa theo hướng kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập và bền vững. Đây là quan điểm xuyên suốt, cũng như là sợi chỉ

dỗ xuyên qua mọi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông.

(2) Phát triển hài hòa giữa các lĩnh vực, giữa các vùng miền, giữa các cộng đồng dân tộc, đặc biệt tôn trọng lợi ích các dân tộc thiểu số bản địa.

(3) Giữ vững an ninh, chính trị, trật tự xã hội, củng cố khả năng quốc phòng. Đây là chỗ dựa để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỉnh Đắk Nông là một phần của Tây Nguyên - vùng có vị trí chiến lược về chính trị và an ninh quốc phòng của cả nước. Đắk Nông phải quán triệt quan điểm này.

(4) Bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng hóa sinh học, cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là nền văn hóa của dân tộc thiểu số bản địa.

3.2. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông

Nhiệm vụ chiến lược phát triển phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Nông là chuyển từ một tỉnh nghèo kém phát triển lên một tỉnh giàu và phát triển để nâng cao phúc lợi của nhân dân, phát triển bài hòa các cộng đồng dân tộc, cùng có cuộc sống an ninh, hạnh phúc, bình đẳng, tương thân tương ái. Muốn vậy, tỉnh Đắk Nông cần theo các định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội sau đây:

3.2.1. Chuyển nền kinh tế phát triển theo chiều sâu, nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, theo hướng kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập và bền vững

Chuyển nền kinh tế phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng các sản phẩm hàng hóa có thể mạnh của tỉnh để có đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và hội nhập thị trường khu vực và thế giới. Tăng cường đầu tư khoa học và đổi mới công nghệ để chuyển các sản phẩm dựa vào vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên, sang sản phẩm có hàm lượng chất xám. Chuyển nền nông nghiệp quảng canh trên cơ sở mở rộng đất phá rừng sang nền

nông nghiệp thâm canh. Đẩy mạnh việc giao và áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào nông nghiệp, nâng cao chất lượng các vườn cây cao su, cà phê, tiêu, điều và các cây nông nghiệp khác. Chuyển một số diện tích cà phê tự phát, không theo quy hoạch ở một số nơi thiếu điều kiện phát triển sang trồng các cây khác phù hợp. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trâu, bò, dê,... Dưa chăn nuôi lên ngành sản xuất chính. Từng bước phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp tập trung ở các trang trại.

Đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp. Đổi mới tư duy về lâm nghiệp (vốn chỉ được xem là ngành kinh tế lấy gỗ) sang nhận thức mới: lâm nghiệp là ngành có tác dụng toàn diện về kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng, môi trường, sinh thái,... Chuyển lâm nghiệp sang hướng thâm canh, đưa khoa học, công nghệ mới vào lâm nghiệp từ khâu bảo vệ, nuôi dưỡng rừng, trồng rừng, khai thác rừng, chế biến lâm sản. Bảo vệ và phát triển tốt các diện tích rừng hiện có. Tuyệt đối không chuyển diện tích rừng tự nhiên sang trồng các cây công nghiệp như cao su, cà phê,... Đẩy mạnh việc trồng rừng, nâng cao độ che phủ lên 58% trong năm 2020. Phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

Phát triển mạnh ngành công nghiệp. Tập trung đầu tư phát triển có chọn lọc các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh phù hợp với yêu cầu của thị trường và đảm bảo các yêu cầu của môi trường sinh thái văn hóa, dân tộc. Ngành công nghiệp chế biến lâm sản được coi như thế mạnh, một điểm ưu tiên phát triển. Nâng cao chất lượng chế biến hướng đến chế biến tinh và sâu các nông, lâm sản như cà phê, cao su, gỗ,... Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn gia súc trên cơ sở vùng nguyên liệu ngô hàng hóa để tạo điều kiện phát triển ngành chăn nuôi trong tỉnh. Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng và các công nghiệp khác, khai thác khoáng sản phù hợp. Đối với việc khai thác bô xít thì phải hội tụ đủ các điều kiện và

thời gian tối ưu cho phép đạt hiệu quả và hợp lý trên cơ sở các kết luận khoa học về kinh tế-xã hội và môi trường.

Sớm hoàn thành các khu, cụm công nghiệp, Có chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trong ngành công nghiệp và xây dựng. Cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và nghề truyền thống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng các điểm công nghiệp, làng nghề tại các thị trấn, thị tứ, các trung tâm cụm, xã.

Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ-ưu tiên phát triển ngành du lịch, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, khai thác hết tiềm năng du lịch phong phú của tỉnh. Nông – lâm – thủy sản, công nghiệp chế biến và du lịch tạo thành địa bàn trọng điểm ưu tiên phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cần được nhận thức và quan tâm đúng mức.

3.2.2. Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại

Hiện nay cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Nông là cơ cấu kinh tế của một tỉnh nông nghiệp nằm trong hệ kém phát triển. Vì vậy, trong thời gian tới, phải tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Đẩy mạnh phát triển các ngành phi nông nghiệp (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ) theo hướng công nghiệp hóa để tăng nhanh tỷ trọng và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Hiện đại hóa nông nghiệp để chuyển lao động nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp, trên cơ sở đó, giảm bớt cơ cấu dân số nông thôn. Từ đó sẽ hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp- dịch vụ- nông nghiệp. Đối với những vấn đề này không được chủ quan nóng vội. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải theo quan điểm phát triển phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phải tích cực phấn đấu sau một vài thập kỷ nếu muốn đạt được cơ cấu kinh tế như mong muốn.

3.2.3. Phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đô thị hóa

Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Đắk Nông rất thấp, bằng 14,95%. Hệ thống đô thị phát triển yếu ớt, không có thành phố. Vì vậy trong thời gian tới phải tập trung phát triển đô thị coi như một mũi đột phá và tạo ra những trung tâm hạt nhân có sức hút và lan tỏa tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội các vùng trong tỉnh. Phấn đấu nâng cấp các đô thị hiện có và xây dựng các điểm đô thị mới. Phấn đấu thị xã Gia Nghĩa lên đô thị cấp III, trở thành thành phố trực thuộc tỉnh vào năm 2020, trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa đầu não của tỉnh. Kiến trúc của thị xã Gia Nghĩa phải phù hợp với cảnh quan, văn hóa địa phương theo mô hình đô thị xanh, sạch, đẹp, văn minh của một tỉnh Tây Nguyên.

Nâng cấp các đô thị Đắk Mil, Kiến Đức lên cấp IV, trở thành thị xã. Chuẩn bị nâng cấp các thị trấn khác. Thành lập đô thị mới gắn liền với các khu công nghiệp và các khu kinh tế cửa khẩu khác. Mở rộng các thị tứ, các điểm đô thị nhỏ gắn liền với các trung tâm thương mại, hệ thống chợ huyện, chợ tại các cụm xã. Vai trò của đô thị có tầm quan trọng rộng lớn trong việc phát triển kinh tế - xã hội, cần nhận thức và quan tâm đúng mức.

3.2.4. Phát triển kinh tế hài hòa giữa các vùng

Chuyển hướng đầu tư mạnh hơn nữa vào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới để khai thác tiềm năng kinh tế phong phú của các vùng này, nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của dân cư, đặc biệt là của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa và đảm bảo an ninh quốc phòng. Mở mang giao thông, hình thành hệ thống chợ, tăng cường phương tiện vận chuyển để giao lưu hàng hóa. Tạo điều kiện cho phát triển kinh doanh và đời sống của nhân dân, phá vỡ nền kinh tế khép kín lâu đời. Trong đó, đối với vùng Tây Nam gồm thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp và huyện Tuy Đức hiện nay là vùng kém phát triển, nhưng còn

tiềm năng đất rừng và có vị trí thuận lợi, là cửa ngõ phía Tây của tỉnh, gắn liền với các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, không xa Bình Phước, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, là các địa bàn có công nghiệp phát triển, tiềm năng kinh tế lớn, cũng như nằm trên tuyến đường nối tỉnh Đắk Nông với các tỉnh khác của Campuchia.

Như vậy nếu có sự tập trung đầu tư đúng mức, có hiệu quả thì vùng này có thể trở thành một vùng kinh tế năng động của tỉnh, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng trong tỉnh.

3.2.5. Phát triển hài hòa giữa các cộng đồng dân tộc, đặc biệt quan tâm đến cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa

Các dân tộc thiểu số bản địa trước đây vốn là đa số, hiện nay đã trở thành thiểu số trong cơ cấu dân tộc, do dòng di cư ồ ạt của người Kinh và di cư tự do của các dân tộc thiểu số ở vùng núi phía Bắc tràn vào Tây Nguyên nói chung trong đó có Đắk Nông nói riêng. Do trình độ phát triển phương thức sản xuất, trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp kém, nên các dân tộc thiểu số bản địa trở thành kẻ yếu trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Vì vậy phải có chính sách đầu tư hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số bản địa phát triển đuổi kịp dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số khác về mọi mặt, bảo vệ và phát triển nền văn hóa đặc sắc của các dân tộc thiểu số bản địa. Điều đó giúp xóa bỏ những mâu thuẫn dân tộc âm thầm giữa đồng bào dân tộc thiểu số bản địa với dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số từ các tỉnh miền núi phía Bắc mới di cư đến.

Nắm vững quan điểm là cái gì là cơ hội cho đồng bào dân tộc thiểu số bản địa thì cương quyết phải làm, cái gì có hại cho đồng bào dân tộc thiểu số bản địa thì nhất thiết không làm, như phá rừng, thu hẹp không gian sống và văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa. Chấm dứt cuộc di dân tự do của đồng bào dân tộc thiểu số từ các tỉnh miền núi phía Bắc vào Đắk Nông.

Dân tộc thiểu số là một vấn đề trung tâm trong phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên, trong đó có Đắk Nông cần phải được coi trọng đúng mức. Phát triển hài hòa các vùng đồng bào dân tộc, đặc biệt quan tâm đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số bản địa là một định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội không thể coi nhẹ.

3.3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Đắk Nông

Để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

3.3.1. Tăng cường cơ sở hạ tầng sản xuất và xã hội của tỉnh

Cơ sở hạ tầng sản xuất và xã hội của tỉnh hiện nay rất yếu kém và không đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Vì vậy, phải tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất và xã hội, là điều kiện quan trọng để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Đắk Nông.

Trước hết phải phát triển mạng lưới giao thông vận tải có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Đắk Nông. Giao thông đi đến đâu, văn minh đi đến đấy. Phát triển giao thông phải đi trước với tốc độ nhanh và bền vững, nhằm tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Từ đó, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giao lưu hàng hóa và trao đổi văn hóa giữa các đồng bào dân tộc. Xây dựng mạng lưới giao thông đồng bộ hiện đại, hợp lý, kết nối với hệ thống quốc lộ chạy qua tỉnh, với hệ thống giao thông nội bộ vùng Tây Nguyên để có thể trong ra, ngoài vào địa bàn tỉnh, kết nối các tỉnh lộ với hệ thống huyện lộ, hệ thống giao thông về các cụm xã, xã, buôn, làng ở các vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc ít người, và vùng biên giới.

Ngoài giao thông ra, phải quan tâm đến việc cấp điện, phát triển thủy lợi, bảo đảm

cung cấp nước cho sản xuất ổn định và an toàn, hệ thống cung cấp nước sạch, bưu chính viễn thông,...

3.3.2. Giải quyết tốt vấn đề tăng dân số, bố trí lại dân cư đồng đều giữa các vùng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Từ ngày thành lập tỉnh, tốc độ tăng dân số nhanh. Trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, sự tiếp nhận số người nhập cư đã vượt quá khả năng của tỉnh, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp. Điều đó đã đưa đến phá hủy tài nguyên rừng và gây nhiều bất ổn trong đời sống và xã hội. Vì vậy, trong những năm tới phải hạn chế việc tăng cơ học đến mức tương ứng và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các nhà khoa học dự báo dân số tăng bình quân khoảng 3,5% thời kỳ 2011- 2015 và giảm dần đến năm 2020, chỉ tăng khoảng 1,4%. Đó là những con số dự báo có thể tham khảo. Hướng tăng dân số cơ học chủ yếu vào các hoạt động phi nông nghiệp. Bố trí lại dân cư hợp lý theo các địa bàn lãnh thổ, đưa dân vào các vùng dân cư thưa thớt còn nhiều tiềm năng phát triển và xung yếu như vùng biên giới, sẽ bảo đảm an ninh - quốc phòng.

Cần đặc biệt quan tâm đầu tư vào việc đào tạo con em dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên cho con em các dân tộc thiểu số bản địa từ phổ thông đến chuyên nghiệp; để trong một vài thập kỷ đến, đồng bào dân tộc thiểu số bản địa có thể đảm nhiệm vai trò lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội từ cấp cơ sở, xã, huyện, đến tỉnh và tham gia vào lực lượng lao động lành nghề.

Đào tạo lại và đào tạo mới nguồn nhân lực để tạo ra một đội ngũ lao động giỏi, lành nghề, giỏi chuyên môn về khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính,... bao gồm các tầng lớp dân cư, trong đó có nông dân, bao gồm các cộng đồng dân tộc; trong đó đặc biệt quan tâm đến đồng bào dân tộc ít người với các cấp đào tạo khác nhau cần thiết cho

phát triển kinh tế - xã hội, bằng mọi hình thức đào tạo khác nhau. Trong trường hợp, nguồn nhân lực trong tỉnh không đảm nhiệm hết công việc, thì có thể thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao từ ngoài tỉnh với sự chọn lọc cần thiết.

3.3.3. Huy động các nguồn để đầu tư phát triển kinh tế xã hội

Để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đak Nong, vốn đầu tư có tầm quan trọng bậc nhất. Từ trước đến nay, việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chủ yếu dựa vào nguồn vốn ngân sách. Trong thời gian tới phải thu hút đầu tư từ nguồn vốn của xã hội, của các thành phần kinh tế, chủ yếu là các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh để phát triển kinh tế - xã hội.

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước rất cần cho Đak Nong - một tỉnh nghèo và kém phát triển, nhưng không phải là duy nhất và không thể trông chờ ý lại. Về mặt số lượng, nguồn vốn đầu tư từ Nhà nước có thể tăng lên, nhưng về tỷ lệ tương đối phải được giảm xuống trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội. Cần tạo môi trường đầu tư thuận lợi và có hiệu quả để thu hút vốn của các nhà đầu tư ngoại (hiện nay chiếm tỷ trọng quá nhỏ bé). Trong mọi trường hợp phải có kế hoạch, cơ chế, chính sách để đảm bảo việc sử dụng vốn có hiệu quả cao mọi nguồn vốn đầu tư của bất kỳ thành phần kinh tế nào.

3.3.4. Phát triển mạnh mẽ các doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế, trong đó các doanh nghiệp dân doanh chiếm tỷ trọng tuyệt đối và tăng nhanh

Doanh nghiệp là lực lượng chủ đạo trong nền kinh tế thị trường. Hiện nay mạng lưới doanh nghiệp còn nhỏ bé về số lượng và thấp kém về chất lượng. Đây là một điểm yếu của phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Vì vậy trong thời gian tới, phải mở rộng mạng lưới doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp dân doanh chiếm tỷ trọng lớn. Có cơ chế chính sách ưu tiên phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ và tạo điều kiện cho loại

hình doanh nghiệp này hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh. Sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, theo hướng chuyển thành các loại hình doanh nghiệp thích hợp. Khuyến khích và chào đón các loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đến làm ăn tại tỉnh càng nhiều càng tốt.

3.3.5. Thực hiện tốt chính sách dân tộc và xóa đói giảm nghèo

Cần triển khai có hiệu quả các chính sách, các chương trình mục tiêu quốc gia dành cho dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số bản địa. Có chính sách đầu tư lớn vào việc phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc thiểu số, có cơ chế tích cực hỗ trợ các đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, nâng cao đời sống. Cần có chính sách bảo tồn và phát huy nền văn hóa đặc sắc của các dân tộc thiểu số bản địa như của người M'Nông, người Ê Đê,... đồng thời phát huy nền văn hóa của các dân tộc thiểu số từ miền Bắc di cư đến tỉnh Đắk Nông.

Cần xây dựng chính sách thực hiện xóa đói giảm nghèo có hiệu quả đối với đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số bản địa, hiện nay tỷ lệ đói nghèo còn cao. Tránh tình trạng xóa đói lại tái đói, xóa nghèo lại tái nghèo, xóa mù chữ lại tái mù chữ, tạo thành cái vòng luẩn quẩn đã diễn ra trong thời gian dài từ trước đến nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Định hướng chiến lược phát triển bền vững Đắk Nông. UBND tỉnh Đắk Nông. Đắk Nông. 5/2009.
2. Báo cáo tổng hợp - rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020. UBND tỉnh Đắk Nông- Gia Nghĩa, 8/2011.
3. Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020. Bộ Kế hoạch và đầu tư. Hà Nội. 10/2009.
4. Niên giám thống kê Đắk Nông. 2010.
5. Niên giám thống kê Việt Nam các năm 2000, 2005, 2010.